TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HS-PT
Ngày: 13/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông
Ông Nguyễn Văn Ngữ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên .

Ngày 13/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 164/2021/TLPT-HS ngày 15/6/2021 đối với bị cáo Lê Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo và đối với bản án hình sự sơ thẩm số 40/2021/HSST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Văn Đ - sinh năm 1977;

Nơi cư trú: thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H; sinh năm 1956 và bà: Hoàng Thị Th - sinh 1957; vợ: Ngô Thị Thùy D: sinh năm 1974; bị cáo có hai con lớn sinh năm 2004; nhỏ sinh năm 2011; Gia đình có 04 anh em bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có đại diện hợp pháp cho người bị hại và người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/12/2020, Lê Văn Đ, sinh năm 1977 ở thôn L, xã B, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Đ có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 99H5 - 7135 đi từ nhà đến đường Vành đai 4 sang huyện Việt Yên,

tỉnh Bắc Giang để đi làm. Khi gần đến ngã tư hướng H đi Việt Yên có một đường rẽ trái đi vào thôn Vụ Nông, xã B và một đường rẽ phải đi về thôn Ngọ Phúc, xã Châu Minh thì Đ điều khiển xe mô tô sang bên trái để vượt một xe ô tô đi phía trước cùng chiều. Khi Đ vượt lên được khoảng 10m thì thấy phía trước có xe mô tô biển kiểm soát 98K9- 6215 do chị Đặng Thị T, sinh năm 1983 ở thôn Vụ Nông, xã B điều khiển đang bật xi nhan rẽ trái về hướng thôn Vụ Nông, xã B. Lúc này Đ không kịp điều khiển xe mô tô của mình về phía bên phải theo chiều đi của mình nên bánh trước xe mô tô do Đ điều khiển đã đâm vào cần số xe mô tô do chị T điều khiển. Hậu quả, Đ và chị T ngã ra đường và phải đi Bệnh viện cấp cứu sau đó chị T bị chết.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là mặt đường bê tông xi măng bằng phẳng, đường thẳng không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn. Là nơi giao nhau giữa đường vành đai 4 với đường vào thôn Vụ Nông, B và đường vào thôn Ngọ Phúc, Châu Minh. Lòng đường vành đai 4 rộng 11,10m hai bên lề đường đều rộng 3,30m. Điểm tiếp giáp giữa đường vành đai 4 và đường đi thôn Vụ Nông, B và thôn Ngọ Phúc, Châu Minh rộng 9,7m.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) Xe mô tô 99H5-7135; (2) Xe mô tô biển số 98K9-6215; (3) Dấu vết xước đường bê tông dài 4,80m; (4) Tổ hợp dấu vết xước đường bê tông dài; (5) Dấu vết máu kích thước (0,45 x 0,20)m; (6) Dấu vết máu kích thước (0,30 x 0,10)m; (7) Cột điện Q3-XT/475-E7-16. Lấy cột điện số Q3-XT/475-E7-16 làm mốc định vị hiện trường. Lấy hướng đường tỉnh lộ 295 làm mép đường chuẩn bên phải.

Tại hiện trường xác định: (1) ở trạng thái đổ nghiêng bên trái trên mặt đường bê tông, đầu 01 quay hướng Việt Yên, đuôi (1) quay hướng đường tỉnh lộ 295. Trục bánh trước (1) cách mép đường bên phải 5,70m. Trục bánh sau (1) cách mép đường bên phải 6,0m. Khoảng cách đo từ trục bánh sau (1) đến (7) là 23,0m. (2) ở trạng thái đổ nghiêng bên trái trên mặt đường bê tông, nằm ngang với chiều đường xe chạy, đầu (2) quay hướng thôn Ngọ Phúc, xã Châu Minh, đuôi (2) quay hướng thôn Vụ Nông, xã B. Trục bánh trước (2) cách mép đường bên phải là 3,97m. Trục bánh sau (2) cách mép đường bên phải là 5,10m. Khoảng cách đo từ trục sau (2) đến trục bánh trước (1) là 1,63m. Khoảng cách đo từ trục bánh trước (2) đến (7) là 26,42m. (3) Tổ hợp dấu vết xước mặt đường bê tông dài 4,80m, rộng 0,20m. Chiều hướng từ đường tỉnh lộ 295 đi Việt Yên. Điểm đầu dấu vết xước cách mép đường bên phải là 3,95m, điểm cuối (3) kết thúc tại đầu để chân chính bên trái (1) và cách mép đường bên phải là 5,79m. Khoảng cách đo từ điểm đầu (3) đến (7) là 20,45m. (4) Tổ hợp vết xước mặt đường bê tông màu trắng dài 4,06m, rộng 0,37m. Chiều hướng vết xước từ đường tỉnh 295 đi Việt Yên. Điểm đầu (4) cách mép đường bên phải là 4,14m. Điểm cuối (4) kết thúc tại đầu tay lái bên trái xe (2) và cách mép đường bên phải là 4,65m. Khoảng cách đo từ điểm đầu (4) đến (7) là 23,10m. (5) Dấu vết máu có kích thước (0,45 x 0,20)m. Khoảng cách đo từ đầu (5) đến mép đường bên phải là 7,0m. Từ tâm (5) đo đến trục bánh trước (1) là 1,30m. (6) Dấu vết máu có kích thước (0,30 x 0,10)m. Đo từ tâm (6) đến mép đường bên phải là 5,35m và đo từ tâm (6) đến trục sau (2) là 0,80m.

Kết quả khám xe mô tô biển kiểm soát 99H5- 7135:

Mặt gương và ốp gương chiếu hậu hai bên bị bật dời khỏi xe. Cần gương chiếu hậu bên phải bị đẩy về trước. Đầu dưới của mặt nạ trước bị nứt vỡ nhựa, kích thước (1,5 x 1,5)cm. Giỏ xe phía trước bị bẹp méo, bật dời khỏi xe. Khung kim loại gắn dỏ xe bị đẩy cong hướng từ dưới lên trên, mặt ngoài góc trước bên trái có vết mài sát kim loại, bám dính bột màu trắng, kích thước (01 x 0,5)cm. Đầu trên cánh yếm bên phải bị nứt vỡ nhựa, kích thước (16 x 0,8)cm, mặt ngoài vị trí nứt vỡ bám dính sợi nghi là trang phục của nạn nhân. Phía trước bên trên cách yếm bên trái bị nứt vỡ nhựa, kích thước (13 x 9)cm. Tâm cách đất 66cm. Mép trái của cách yếm có vết mài sát nhựa hướng từ trước về sau, kích thước (16 x 2)cm, tâm cách đất 58cm. Đầu để chân chính bên trái bị mài sát cao su hở lõi sắt, đầu lõi sắt có vết mài sát kim loại, kích thước (03 x 2,5)cm. Mặt trước của đầu tay nắm bên trái có vết mài sát cao su, kích thước (06 x 02)cm, đầu chắn bùn có vết trà sát sơn nhựa, kích thước (08 x 06)cm. Bánh xe phía trước ở trạng thái hết hơi, 1/2 vành bị đẩy cong hướng từ ngoài vào trong, phần bị đẩy sâu nhất cách may ơ 02cm, cách chân van 25cm ngược chiều kim đồng hồ nhìn từ bên trái sang, lốp xe tại vị trí vành bị đẩy sâu nhất có vết móp hướng từ ngoài vào trong, kích thước (11 x 09)cm. Nan hoa số 01,02,03,04,05,06,35 ngược chiều kim đồng hồ nhìn từ bên trái sang bị bật khỏi vị trí cố định. Mặt trước may ơ bánh trước tại vị trí tương ứng cách vết móp vành 02cm có vết mài sát kim loại, kích thước (05 x 02)cm. Mặt trước của đầu trục bánh trước bên trái có vết mài sát kim loại, bám dính bột màu trắng, kích thước (1 x 1,5)cm. Mặt ngoài bên dưới của đầu giảm sooc trái bánh trước có vết mài sát kim loại bám dính chất bột màu trắng, kích thước (1,5 x 0,7)cm. Mặt ngoài bên trái phía dưới của cần nối dây phanh với may ơ trước có vết mài sát kim loại bám dính chất bột màu trắng, kích thước (1,5 x 0,3)cm. Kỹ thuật an toàn phương tiện: Đèn xi nhan trước bên phải, đèn hậu không sáng. Xe vẫn nổ máy, phanh vẫn hoạt động bình thường.

Kết quả khám xe mô tô biển kiểm soát 98K9-6215:

Mặt gương chiếu hậu bên trái bị xoay 180 độ, viền nhựa ốp trước mặt gương bị mài sát nhựa, kích thước (09 x11)cm. Công tắc xi nhan trái ở trạng thái bật (đã gạt sang trái). Đầu tay nắm trái có vết mài sát kim loại, kích thước (01 x 0,7)cm. Mặt ngoài góc phía trước bên trái của khung kim loại gắn dỏ xe có vết trà sát kim loại, kích thước (0,8 x 0,5)cm. Mặt ngoài bên trái lốp trước tại vị trí cách chân van 20cm theo ngược chiều kim đồng hồ nhìn từ bên trái sang có vết mài sát cao su, kích thước (37 x 03)cm. Đầu để chân chính bên trái bị rách cao su, kích thước (3,5 x 04)cm, hở đầu lõi sắt, đầu lõi sắt có vết mài sát kim loại bám dính chất bột màu trắng, kích thước (1,5 x 1,5)cm. Cần số lùi bị đẩy cong hướng từ trái sang phải, đầu cần số lùi ép sát vào lắp bảo vệ hộp xích phía trước tạo vết thủng, kích thước (1,3 x 0,7)cm. Đầu để chân phụ phía sau bị mài sát cao su, kim loại bám dính bột màu trắng, kích thước (01 x 3,5)cm. Mặt ngoài bên trái bằng kim loại bảo vệ yên xe phía sau có vết mài sát kim loại, kích thước (22 x 02)cm. Mặt ngoài bên trái của lò xo chân chống phụ có vết trượt sạch bụi, kích thước (5 x 02)cm. Kỹ thuật an toàn phương tiện: Kiểm tra xe vẫn nổ máy, đèn pha, xi nhan vẫn sáng bình thường, đèn hậu khi phanh chân vẫn sáng.

Ngày 05/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định trưng cầu giám định cơ chế hình thành dấu vết trên hiện trường và trên phương tiện; vị trí va chạm và tốc độ hai xe mô tô khi xảy ra tai nạn.

Tại kết luận số 104/KL-KTHS ngày 15/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Dấu vết chùn cong tại vành bánh trước của xe mô tô 99H5- 7135 được hình thành do va chạm với dấu vết chùn cong, mài sát kim loại, cao su tại cần số, để chân trước bên trái của xe mô tô 98K9 -6215 tạo nên là phù hợp.

- Dấu vết mài sát sơn nhựa tại đầu trước chắn bùn bánh trước của xe mô tô 99H5 - 7135 được hình thành do va chạm với dấu vết mài sát kim loại, dính chất màu nâu tại bên trái giá kim loại để hàng giữa xe mô tô 98K9-6215 tạo nên là phù hợp.

- Dấu vết trượt xước ký hiệu số 3 được hình thành do quá trình sau khi va chạm, xe mô tô 99H5 - 7135 đổ nghiêng trái, văng rê, vị trí đầu để chân trước và sau, tiếp xúc với mặt đường tạo nên là phù hợp. Dấu vết trượt xước ký hiệu số 4 được hình thành do quá trình sau khi va chạm, xe mô tô 98K9 - 6215 đổ nghiêng trái, văng rê, vị trí đầu tay nắm và để chân sau, tiếp xúc với mặt đường tạo nên là phù hợp.

- Vị trí va chạm giữa xe mô tô 99H5 - 7135 và xe mô tô 98K9 - 6215 trên mặt đường tại trước điểm đầu dấu vết trượt xước ký hiệu số 3, thuộc phần đường bên phải theo hướng tỉnh lộ 295 đi Việt Yên.

- Không đủ cơ sở để xác định tốc độ hai phương tiện khi xảy ra tai nạn.

Kết quả khám nghiệm tử thi Đặng Thị T:

Chiều dài tử thi: 1,45m, thể tạng phát triển bình thường, đang trong giai đoạn mềm lạnh. Vùng đầu: Tóc đen để dài, lỗ tai trái và hai lỗ mũi có máu chảy từ trong ra; hai mắt khép kín, đồng tử hai bên dãn to; miệng khép không kín, lưỡi trong cung răng; vùng chẩm có vết rách da kích thước (5,5 x 3)cm. Vùng lưng trên đường giữa có vết bầm tím da kích thước (2 x 1,5)cm. Vùng thắt lưng có diện sây sát ra, bầm tím, kích thước (14,5 x 5,5)cm. Mặt sau đùi, cẳng chân, cổ chân trái có diện sây sát da, bầm tím da, kích thước (47 x 22)cm. Mặt sau ngoài cẳng tay, cổ tay, bàn tay trái có diện sây sát da, bầm tím, kích thước (31 x 9,2)cm. Vùng ngực trái có diện Sây sát da, kích thước (6,9 x 1,5)cm. Mặt trước ngoài đùi gối trái có diện bầm tím da, xưng nề kích thước (39 x 14)cm. Sờ nắn thấy gẫy kín 1/3 dưới xương đùi trái. Kiểm tra vết rách da vùng chẩm thấy: Tụ máu tổ chức dưới da đầu trên diện (4 x 3,5)cm, vỡ nứt xương hộp sọ vùng chẩm, phần đo được dài 2,7cm. Qua đường vỡ máu đỏ vẫn rỉ ra.

Ngày 26/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra quyết định trưng cầu giám định nguyên nhân chết của chị Đặng Thị T. Tại kết luận giám định số 15/KL-KTHS ngày 05/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Nguyên nhân chết của chị Đặng Thị T do đa chấn thương, chấn thương sọ não, gãy kín xương đùi trái do tai nạn giao thông.

Tại Cơ quan điều tra Lê Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, gia đình Lê Văn Đ đã đến thăm hỏi, phúng viếng và bồi thường cho gia đình chị Lê Thị Toan số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi năm triệu đồng). Đến nay, đại diện theo pháp luật của người bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hoặc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Lê Văn Đ. Không xem xét trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo Đ.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-HH ngày 02/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 40/2021/HSST ngày 13/5/2021 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bộ bị cáo Lê Văn Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 260; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Ngoài ra bản án còn tuyên giải quyết vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo, các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 25/5/2021, bị cáo Lê Văn Đ làm đơn kháng cáo với nội dung xin đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Văn Điều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn. Sau khi xảy ra tai nạn sức khỏe bị cáo chưa ổn định vẫn đang phải chạy chữa. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi bố mẹ già đang tàn tật, vợ bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, các con bị cáo còn nhỏ. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại và bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nội dung kháng cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm và cho bị cáo được hưởng án treo.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Văn Đ không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát.

Bị cáo Lê Văn Đ nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của bản thân. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 99H5 - 7135 đi từ nhà lên đường 295 rồi đi vào đường Vành đai 4 hướng sang huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để xuống tỉnh Bắc Ninh làm thuê. Khi gần đến đoạn ngã tư một đường rẽ trái đi vào thôn Vụ Nông, xã B, một đường rẽ phải đi về thôn Ngọ Phúc, xã Châu Minh thì Đ vượt một xe ô tô đi phía trước cùng chiều. Khi Đ vượt lên được khoảng 10m thì thấy phía trước có xe mô tô do một chị phụ nữ điều khiển (sau này Đ biết tên là Đặng Thị T, sinh năm 1983 ở thôn Vụ Nông, xã B). Lúc này chị T đang điều khiển xe mô tô và bật xi nhan rẽ sang bên trái đường của Đ để đi về hướng thôn Vụ Nông, xã B, bánh xe phía trước của chị T đã ở phần đường bên trái theo hướng đi của Đ và chị T. Lúc này do Đ đi nhanh, thiếu quan sát, không làm chủ được tốc độ nên xe mô tô của Đ đã đâm vào cần số phía sau của xe chị T, chị T ngã ra đường được đưa đi cấp cứu nhưng chị T đã bị chết. Qua đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn Đ phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

[3] Hành vi phạm tội của Lê Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm những quy định về an toàn giao thông dẫn đến hậu quả là gây ra cái chết cho chị T. Lỗi do bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội và nỗi lo sợ bất bình cho mọi người khi tham gia giao thông. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là có căn cứ pháp luật, không oan.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm của mình nên bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại đã có đơn xin giảm hoặc miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ là điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 cho bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ Luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, là nhân dân lao động, không biết chữ, nhận thức hạn chế. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Hiện tại bị cáo vẫn phải chữa trị thương tích do tai nạn giao thông. Mặt khác, trong vụ án này người bị hại có lỗi vi phạm hành chính không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển phương tiện nguy hiểm tham gia giao thông. Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, công đồng và xã hội.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 12 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 13/9/2021.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho UBND xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo Lê Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CQCSĐT-CA huyện H;
- VKS, TA huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã B, huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Vinh